

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Sơn
2. Ông Trần Đình Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Công Chức - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Y**, sinh năm: 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, thôn Phước Long, phường Tân Hòa, Thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Tân Hải, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng C**, sinh năm: 1998 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Tổ 8 khu phố Hải Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đề ngày 19 tháng 6 năm 2025 và bản tự khai đề ngày 19/8/2025 nguyên đơn bà Hồ Thị Y trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trọng C bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2020, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 13/01/2020. Đến năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, lần cuối cùng bà bị đánh đập ép ra khỏi nhà nếu không ký vào giấy nợ cho ông C. Bà và ông C sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông C chung sống có hai con chung là trẻ Nguyễn Nhật Minh L, sinh ngày 17/11/2020 và trẻ Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/4/2022. Hiện nay trẻ L đang sống với ông C, trẻ T đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T, giao trẻ L cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Do bà đã trình bày lời khai và bận đi làm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà, bà cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hồ Thị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Trọng C. Đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Trọng C trực tiếp ký nhận các văn bản của Tòa án do đó có cơ sở xác định ông C đang cư trú tại tổ 8 khu phố Hải Đình, phường Kim Đình, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Trọng C nhưng ông C vẫn không đến Tòa tham gia xét xử nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Y và ông C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của bà Y cho ông C nhưng ông C không đến Tòa trình bày ý kiến, tham dự các buổi hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Y và ông Nguyễn Trọng C sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Kim Đình, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị Y xác định bà và ông Nguyễn Trọng C mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu được ly hôn với ông C để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, bà Y khai bà và ông C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, ông C có sử dụng bạo lực đối với bà đồng thời còn đuổi bà ra khỏi nhà. Bà và ông C đã ly thân từ tháng 05 cho đến nay. Mặt khác ông C không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà Y và ông C không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông C.

[7] Về con chung: Bà Y xác nhận bà và ông C có 02 con chung là trẻ Nguyễn Nhật Minh L, sinh ngày 17/11/2020 và trẻ Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/4/2022. Bà Y xác nhận, hiện tại trẻ L đang sống cùng với ông C, trẻ T đang sống cùng với bà. Sau khi ly hôn, bà Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T, giao trẻ L cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông C nhưng ông C vẫn không đến Tòa để thể hiện ý kiến của ông về vấn đề con chung mà vắng mặt không lý do.

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”*.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt, tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt hiện tại của trẻ L và trẻ T, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ L cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ T cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi trẻ T, đây là sự tự nguyện của bà Y và không trái luật nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ T đối với ông C. Ông C vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về vấn đề cấp dưỡng nuôi trẻ L nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ L đối với bà Y.

[9] Về tài sản chung: Bà Y xác nhận bà và ông C không có tài sản chung. Ông C vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề tài sản chung giữa ông và bà Y nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà Y với ông C trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về nợ chung: Bà Y xác nhận bà và ông C không có nợ chung. Ông C vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề nợ chung giữa ông và bà Y nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nợ chung giữa bà Y với ông C trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[11] Về án phí: Bà Hồ Thị Y chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Y

Cho bà Hồ Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Trọng C

Giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Ủy ban nhân dân phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/01/2020 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Nhật Minh L, sinh ngày 17/11/2020 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/4/2022 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông C, bà Y.

Ông C, bà Y có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị Y chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006294 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị Y và ông Nguyễn Trọng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV 12 - TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Ủy ban nhân dân phường Long Hương, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy